

Số: 13/NQ-HĐND

Lộc Ninh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công

- Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của huyện.
- Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.
- Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.
- Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.
- Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 là 3.794.687 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn huyện quản lý: 2.119.387 triệu đồng.
2. Vốn tỉnh hỗ trợ: 982.300 triệu đồng.
3. Vốn Trung ương hỗ trợ: 693.000 triệu đồng.

III. Phương án phân bổ chi tiết:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách phân bổ cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 của huyện là **3.449.715 triệu đồng**, bao gồm:

1. Dự án chuyển tiếp: 440.993 triệu đồng.
2. Dự án khởi công mới: 3.008.722 triệu đồng.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Lộc Ninh khóa XI, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, Tổ và đại biểu HĐND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hùng



Biểu số 1

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện)

Đvt: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%	
	Tổng số	3.794.687	3.449.715	344.972	
1	Vốn huyện quản lý	2.119.387	1.926.715	192.672	
2	Vốn tỉnh hỗ trợ	982.300	893.000	89.300	
3	Vốn Trung ương hỗ trợ	693.000	630.000	63.000	



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOÀN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ			
	TỔNG SỐ	3.895.120	3.429.257	1.919.257	880.000	630.000	3.449.715	1.926.715	893.000	630.000	20.458	-	
A	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	2.200.563	1.834.046	899.146	549.900	385.000	1.834.046	899.146	549.900	385.000	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025	649.475	418.657	338.657	80.000	-	418.657	338.657	80.000	-	-	-	
1	Đường từ đời đất đỏ đi trung tâm xã Lộc Thành	6.494	3.494	3.494			3.494	3.494					Hoàn thành
2	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp	60.000	54.314	54.314			54.314	54.314					Hoàn thành
3	Dự án đặc thù theo Nghị định 27 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn	150.000	150.000	150.000			150.000	150.000					Hoàn thành
4	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lậy) đi trung tâm hành chính xã	4.999	200	200			200	200					Hoàn thành
5	Đường nhựa ấp Căn Dục đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên A đi nhà ông Ngô Văn Dũng)	5.382	391	391			391	391					Hoàn thành
6	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành	5.999	2.999	2.999			2.999	2.999					Hoàn thành
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu thị trấn Lộc Ninh	11.466	11.466	11.466			11.466	11.466					Hoàn thành
8	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh	10.487	10.487	10.487			10.487	10.487					Hoàn thành
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)	12.000	6.230	6.230			6.230	6.230					Quyết toán
10	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giải đoạn 2	8.649	8.649	8.649			8.649	8.649					Quyết toán
11	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thành kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)	15.000	9.000	9.000			9.000	9.000					Đang QT
12	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thành	5.000	2.000	2.000			2.000	2.000					Hoàn thành
13	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cai)	9.924	1.124	1.124			1.124	1.124					Hoàn thành
14	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa	55.000	25.228	25.228			25.228	25.228					Đang QT
15	Xây dựng đường giao thông ấp Trà Tế, xã Lộc Thành	39.500	3.500	3.500			3.500	3.500					Đang QT
16	Đường từ Cầu Ông Kỳ đi công sau nhà máy chế biến Công ty cao su Lộc Ninh	4.575	4.575	4.575			4.575	4.575					Hoàn thành
17	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	245.000	125.000	45.000	80.000		125.000	45.000	80.000				Thị công
II	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 2021-2025	1.551.088	1.415.389	560.489	469.900	385.000	1.415.389	560.489	469.900	385.000	-	-	
1	Đường liên ấp từ tổ 4 ấp Chàng Hai đi tổ 7,9 ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	15.000	15.000	15.000			15.000	15.000					Quyết toán

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
2	Đường từ ngã tư Múi Tôn, xã Lộc Thiên đi xã Lộc Thái	14.000	14.000	14.000			14.000	14.000						Quyết toán
3	Cầu BTCT đường Phan Chu Trinh (nối dài)	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000						Hoàn thành
4	Đường liên xã Lộc Tân - Lộc Thiên (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiên)	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000						Thiết kế xong
5	Đầu tư hạ tầng quy hoạch khu dân cư xã Lộc Thái	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000						Hoàn thành
6	Nâng cấp đường từ tổ 1 ấp Bồn Xăng đi khu di tích lịch sử Bồn Xăng VK98, xã Lộc Quang	6.990	6.990	6.990			6.990	6.990						Quyết toán
7	Đường ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	3.379	3.379	3.379			3.379	3.379						Hoàn thành
8	Xây dựng kè đá và san lấp mặt bằng khu đất trước trụ sở UBND xã Lộc Quang	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990						Hoàn thành
9	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 1,4 ấp Cầu Lê xã Lộc Khánh (giai đoạn 2)	4.500	4.500	4.500			4.500	4.500						Hoàn thành
10	Đường tổ 6,7 ấp Tân Lợi, xã Lộc Phú	6.505	6.505	6.505			6.505	6.505						Đang thiết kế
11	Đường liên ấp Thăng Lợi - Tân Lợi đi trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995						Đang thiết kế
12	Đường từ ngã ba cây xăng Như Ý đi QL13, xã Lộc Hoà	4.447	4.447	4.447			4.447	4.447						Hoàn thành
13	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2 ấp Hoa Lư, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000						Thị công
14	XD đường vành đai ấp 11B đi ấp 10, xã Lộc Thiên	2.981	2.981	2.981			2.981	2.981						Thị công
15	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An	2.120	2.120	2.120			2.120	2.120						Thị công
16	Đường từ chợ Lộc Hiệp đi đường DT 756 và đường ấp Hiệp Hoà (quanh hồ Cầu Thăng) xã Lộc Hiệp	3.424	3.424	3.424			3.424	3.424						Hoàn thành
17	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường nhựa từ trung tâm hành chính xã đi ấp Khiên xã Lộc Thành	2.689	2.689	2.689			2.689	2.689						Thị công
18	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Ngân hàng Lộc Thái đi xã Lộc Điện (đoạn từ ngã ba Ngân hàng đi cây xăng Thiên Phú)	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000						Hoàn thành
19	Đường từ tổ 5B đi tổ 11 ấp 8 xã Lộc Điện	3.946	3.946	3.946			3.946	3.946						Thị công
20	Đường tổ 1 ấp Măng Cài và đường tổ 1 ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiên	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998						Đang thiết kế
21	Xây dựng hệ thống mương tổ 1 ấp 11B, xã Lộc Thiên	1.165	1.165	1.165			1.165	1.165						Thị công
22	Giảm độ dốc của đường dân sinh đầu nối QL13, xã Lộc Tân	985	985	985			985	985						Hoàn thành
23	Đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	10.500	10.500	10.500			10.500	10.500						Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
24	Đường GTNT áp Lọc Bình 2 đi trung tâm hành chính xã Lọc Thành	4.260	4.260	4.260		4.260	4.260							Hoàn thành
25	Đường nhựa áp Tả Tê 1 đi Trung tâm hành chính xã Lọc Thành (đoạn từ kênh thủy lợi đến đập nước Tả Tê)	7.000	7.000	7.000		7.000	7.000							Hoàn thành
26	Đường nhựa Cầu Bù Linh đi áp 7 xã Lọc Thuận	5.409	5.409	5.409		5.409	5.409							Đang thiết kế
27	Đường tổ 11 đi tổ 13 ấp 8, xã Lọc Diên	4.839	4.839	4.839		4.839	4.839							Đang thiết kế
28	Đường ấp Bù Tam, xã Lọc Quang	5.358	5.358	5.358		5.358	5.358							Thi công
29	Xây dựng mương kê tuyến đường tổ 4 ấp Việt Tân, tổ 2,3 ấp Bù Tam xã Lọc Quang	3.000	3.000	3.000		3.000	3.000							Đang thiết kế
30	Xây dựng mương thoát nước tổ 2,5 ấp 10 xã Lọc Thiên	1.183	1.183	1.183		1.183	1.183							Đang thiết kế
31	Xây dựng cầu BTCT ấp 8 và cầu BTCT ấp 2 đi ấp 6 xã Lọc Diên	2.600	2.600	2.600		2.600	2.600							Đang thiết kế
32	Xây dựng mương thoát nước trên tuyến đường bê tông và đường nhựa ấp Tân Bình 1, xã Lọc Thành	1.474	1.474	1.474		1.474	1.474							Đang thiết kế
33	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,4 ấp Vườn Bưởi và tổ 8 ấp 11B xã Lọc Thiên	1.363	1.363	1.363		1.363	1.363							Đang thiết kế
34	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 6, xã Lọc An	1.550	1.550	1.550		1.550	1.550							Đang thiết kế
35	Xây dựng mương và cầu bần trên tuyến đường tổ 1 ấp 3 xã Lọc An	1.995	1.995	1.995		1.995	1.995							Đang thiết kế
36	Xây dựng công bê tông cốt thép tại tổ 4 ấp 5C, xã Lọc Tấn	600	600	600		600	600							Đang thiết kế
37	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3, xã Lọc Diên	992	992	992		992	992							Đang thiết kế
38	Xây dựng mương thoát nước đường BTXM ấp 8, xã Lọc Hòa (giai đoạn 2)	1.926	1.926	1.926		1.926	1.926							Thi công
39	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện	11.000	11.000	11.000		11.000	11.000							Thi công
40	Đường từ QL13 qua xã Lọc An đi Lọc Hiệp (giai đoạn 2)	21.000	21.000	21.000		21.000	21.000							Đang thiết kế
41	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Ba Ven đi Khu 41 hộ ấp Cầu Lê	14.000	14.000	14.000		14.000	14.000							Thiết kế xong
42	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL13 đến chợ Lọc Hòa	14.500	14.500	14.500		14.500	14.500							Đang thiết kế
43	Đường từ Trường TH Lọc Thiên B đi ấp 4A, xã Lọc Tấn	9.000	9.000	9.000		9.000	9.000							Thiết kế xong
44	Đường nhựa liên xã ấp Hiệp Tâm, xã Lọc Hiệp đi ấp Vê Vàng, xã Lọc Phú	11.200	13.500	13.500		13.500	13.500							Thi công
46	Xây dựng mương thoát nước tổ 3,4 ấp Hoa Lư, xã Lọc Hòa (giai đoạn 2)	2.130	2.130	2.130		2.130	2.130							Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ						
47	Đường từ ngã ba nhà ông Tù đi cum dân cư hiện kê chốt dân cư biên giới, xã Lộc Hoà	6.998	6.998	6.998			6.998	6.998								Hoàn thành
48	Xây dựng đường từ QL13 đi ấp 8, xã Lộc Hoà	2.520	2.520	2.520			2.520	2.520								Đang thiết kế
49	XD kê, mương thoát nước đường BTXXM ấp 8 (phía Tây), xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000								Đang thiết kế
50	Đường từ Nhà sản xuất hóa ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990								Đang thiết kế
51	Đường từ tổ 3 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc An	4.990	4.990	4.990			4.990	4.990								Đang thiết kế
52	Đường từ ngã ba nhà ông Kìa đi chốt tuần tra biên giới xã Lộc An	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995								Đang thiết kế
53	Nâng cấp hệ thống mương thoát nước ấp 54, xã Lộc An (giai đoạn 2)	2.290	2.290	2.290			2.290	2.290								Đang thiết kế
54	XD kê mương chống sạt lở tuyến tổ 7 ấp 6, xã Lộc An	2.086	2.086	2.086			2.086	2.086								Đang thiết kế
55	Nâng cấp tuyến đường GTNT tổ 7 ấp 7 xã Lộc An	3.710	3.710	3.710			3.710	3.710								Đang thiết kế
56	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 4 (đoạn dốc Hòa Tiến) xã Lộc An	3.850	3.850	3.850			3.850	3.850								Thi công
57	Xây dựng hệ thống mương thoát nước ấp 8 xã Lộc Thuận	3.300	3.300	3.300			3.300	3.300								Đang thiết kế
58	Đường sỏi đỏ ấp 10 xã Lộc Thuận	4.594	4.594	4.594			4.594	4.594								Thi công
59	Xây dựng mương thoát nước công chào ấp 3B đi điểm trường học ấp 3B, xã Lộc Thuận	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000								Đang thiết kế
60	Xây dựng mương thoát nước Chùa Linh Sơn đi tổ 9 ấp 2 xã Lộc Thuận	3.200	3.200	3.200			3.200	3.200								Đang thiết kế
61	Đường GTNT tổ 2 ấp 8 đi trung tâm hành chính xã Lộc Thuận	2.136	2.136	2.136			2.136	2.136								Đang thiết kế
62	Xây dựng hệ thống mương trên các tuyến đường khu dân cư trung tâm ấp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành	5.255	5.255	5.255			5.255	5.255								Đang thiết kế
63	Mương đá học trên các tuyến đường ấp Bàn Xàng xã Lộc Quang	1.995	1.995	1.995			1.995	1.995								Đang thiết kế
64	Xây dựng đường tổ 3 ấp Việt Quang kết nối đường DT756 xã Lộc Quang	7.000	7.000	7.000			7.000	7.000								Đang thiết kế
65	Xây dựng công, mương thoát nước ấp Việt Tân, xã Lộc Quang	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000								Đang thiết kế
66	Xây dựng mương ấp 7 xã Lộc Điện	1.250	1.250	1.250			1.250	1.250								Đang thiết kế
67	Xây dựng mương thoát nước tổ 1,5 ấp 3 (giai đoạn 2)	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500								Đang thiết kế
68	XD đường GTNT tổ 1,2 ấp 4, xã Lộc Điện	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000								Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
69	Đường áp 9 đi TTHC xã Lộc Điền	4.998	4.998	4.998			4.998	4.998						Đang thiết kế
70	Đường GTNT số 2 ấp 9 xã Lộc Điền	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999						Hoàn thành
71	Xây dựng mương kè tuyến đường tại tổ 8 ấp 2, tổ 4, 6 ấp 3 và tổ 5 ấp 4, xã Lộc Điền	1.790	1.790	1.790			1.790	1.790						Đang thiết kế
72	XD kè mương thoát nước tổ 3 ấp 10 và tổ 6 ấp 11B, xã Lộc Thiên	1.400	1.400	1.400			1.400	1.400						Đang thiết kế
73	Đường tổ 6 ấp Vườn Bưởi đi tổ 7 ấp Măng Cai	1.103	1.103	1.103			1.103	1.103						Đang thiết kế
74	Xây dựng cống, mương thoát nước tổ 9 ấp K54, xã Lộc Thiên	1.086	1.086	1.086			1.086	1.086						Đang thiết kế
75	Xây dựng mương thoát nước áp Sóc Lớn xã Lộc Khánh	2.000	2.000	2.000			2.000	2.000						Đang thiết kế
76	Xây dựng mương thoát nước áp Quyết Thành xã Lộc Khánh	2.500	2.500	2.500			2.500	2.500						Đang thiết kế
77	Xây dựng mương thoát nước tổ 1, 3 ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000						Đang thiết kế
78	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú và đường Đổ khu phố Minh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999						Hoàn thành
79	XD mương đường D1, D2, D3, D4, D6, thị trấn Lộc Ninh	2.001	2.001	2.001			2.001	2.001						Đang thiết kế
80	Nâng cấp đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999						Hoàn thành
81	Nâng cấp, mở rộng đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Lộc Ninh	6.999	6.999	6.999			6.999	6.999						Thị công
82	Xây dựng đường GTNT tổ 6, tổ 10 ấp 6, xã Lộc Hưng	4.999	7.500	7.500			7.500	7.500						Thị công
83	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 3, tổ 7, 8 ấp 6 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709						Đang thiết kế
84	XD mương thoát nước trên đường GTNT tổ 2 ấp 4, tổ 7 ấp 1 xã Lộc Hưng	1.709	1.709	1.709			1.709	1.709						Đang thiết kế
85	Đường từ ngã 3 cầu sập đi ngã 4 nhà văn hóa ấp Bù Núi B, xã Lộc Tấn	6.995	6.995	6.995			6.995	6.995						Đang thiết kế
86	Đường nhựa ấp Bù Núi xã Lộc Tấn	6.991	6.991	6.991			6.991	6.991						Đang thiết kế
87	Đường nhựa tổ 2, 6, 7 ấp Tân Hai xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh	6.996	6.996	6.996			6.996	6.996						Đang thiết kế
88	Đường nhựa tổ 10, ấp Tân Hai đi Trung tâm hành chính xã Lộc Phú	6.998	6.998	6.998			6.998	6.998						Đang thiết kế
89	Nâng cấp đường Nguyễn Huệ thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	13.000	13.000	13.000			13.000	13.000						Đang thiết kế
90	Đầu tư hạ tầng Khu quy hoạch dân cư ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp	1.700	1.700	1.700			1.700	1.700						Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023					Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn					Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ						
91	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch dân cư Trung tâm xã Lộc An	5.400	5.400	5.400			5.400	5.400								Đang thiết kế
92	Đầu tư hạng tăng khu quy hoạch dân cư đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh	1.500	1.500	1.500			1.500	1.500								Hoàn thành
93	Nâng cấp đường nội bộ chợ Lộc Ninh	3.100	3.100	3.100			3.100	3.100								Hoàn thành
94	Đường từ xã Lộc Khánh kết nối QL13	22.000	22.000	22.000			22.000	22.000								Thị công
95	Đường nhựa từ khu di tích Tả Thiết đi cửa khẩu Lộc Thịnh, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	55.000	55.000	55.000			55.000	55.000								Thị công
96	Đường từ ngã ba Hố Bơm, thị trấn Lộc Ninh đi ấp 10, xã Lộc Thiện	28.000	28.000	28.000			28.000	28.000								Thị công
97	Xây dựng công bản ấp Thanh Tây (Cầu Sập), xã Lộc Tân	963	963	963			963	963								Thị công
98	Xây dựng công thoát nước số 2, ấp Thanh Tân, xã Lộc Thanh	493	493	493			493	493								Thị công
99	Xây dựng mới công suối đá tại ấp Soor Rung, xã Lộc Phú	900	900	900			900	900								Thị công
100	Nâng cấp đường Nguyễn Bình, thị trấn Lộc Ninh	1.209	1.209	1.209			1.209	1.209								Thị công
101	Đường Tả Thiết - Hoa Lư kết nối với đường phía Tây QL13	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000								Đang thiết kế
102	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13	60.000	54.000	54.000			54.000	54.000								Thiết kế xong
103	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường DT756 và DT759B	100.000	90.000	90.000			90.000	90.000								Đang thiết kế
104	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh và nhánh rẽ X16	90.000	81.000	81.000			81.000	81.000								Hoàn thành
105	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	45.000	40.500	40.500			40.500	40.500								Thị công
106	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000								Thị công
107	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	30.000	27.000	27.000			27.000	27.000								Thị công
108	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL13	60.000	60.000	60.000			60.000	60.000								Đang thiết kế
109	Đường tránh phía Đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	210.000	210.000	210.000			210.000	210.000								Đang thiết kế
110	Đường ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54, xã Lộc Thiện đầu nối đường Tả Thiết - Hoa Lư và nhánh rẽ	95.000					-									
111	Đường Bà Nui đi đường tuần tra Biên giới	115.000	115.000	115.000			115.000	115.000								Đang thiết kế
112	Mở rộng đường Lê Lợi, Thị trấn Lộc Ninh (đoạn cuối Lê Lợi đi xã Lộc Thuận)	8.500	8.500	8.500			8.500	8.500								Đang thiết kế

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn						Tăng	Giảm	Ghi chú			
			theo NQ 06 ngày 03/4/2023			Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn								
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
113	Đường từ công chào áp K54 xã Lộc Thiện đầu nối với đường phía tây Quốc lộ 13 (Chơn Thành - Hoa Lư)	30.000	30.000		30.000		30.000		30.000					Phê duyệt BC KTRT
114	Xây dựng cầu Bù Núi xã Lộc Tân	10.000	10.000		10.000		10.000		10.000					Phê duyệt BC KTRT
115	Xây dựng kê chắn mô cầu Đường Huỳnh Tấn Phát - thị trấn Lộc Ninh	3.000	3.000		3.000		3.000		3.000					Phê duyệt BC KTRT
116	Xây dựng cầu BTCT áp Ba Ven, xã Lộc Khanh	14.900	14.900		14.900		14.900		14.900					Đang thiết kế
117	Nâng cấp đường từ trại giam (đường nội bộ) Công An huyện đầu nối đường Phan Châu Trinh	2.500	2.500		2.500		2.500		2.500					Thị công
B	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	482.551	440.451	216.251	224.200	-	449.451	216.251	233.200	-	9.000	-	-	
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	20.801	3.701	3.701	-	-	3.701	3.701	-	-	-	-	-	
1	XD 08 phòng học lâu trường TH&THCS Lộc Thành	4.257	157	157			157	157						Quyết toán
2	XD 12 phòng học lâu trường TH Lộc Hưng	5.325	225	225			225	225						Quyết toán
3	XD 08 phòng học lâu trường THCS Lộc Điền	6.000	300	300			300	300						Quyết toán
4	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	5.219	119	119			119	119						Quyết toán
5	XD 18 phòng học lâu trường TH&THCS Lộc Thiện	2.900	2.900	2.900			2.900	2.900						Quyết toán
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	461.750	436.750	212.550	224.200	-	445.750	212.550	233.200	-	9.000	-	-	
1	XD nhà tập đa năng và 04 phòng lâu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền	7.500	7.500	7.500			7.500	7.500						Thị công
2	XD 06 phòng học lâu (diện tích) trường TH Lộc Thuận B	4.600	4.600	4.600			4.600	4.600						Thị công
3	XD 24 phòng học lâu trường THCS Lộc Khanh	19.500	22.500	22.500			22.500	22.500						Thị công
4	Xây dựng 07 phòng học và chức năng, 04 phòng hỗ trợ học tập, hội trường và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Điền A	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900						Thị công
5	Xây dựng 08 phòng học lâu, hàng rào, sân bê tông Trường Tiểu học Lộc Điền B	5.350	5.350	5.350			5.350	5.350						Thị công
6	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Hưng	10.000	-				-							
7	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường THCS Lộc Hưng	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900						Thị công
8	XD 10 phòng học lâu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp	12.600	12.600	12.600			12.600	12.600						Thị công
9	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900						Thị công
10	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A	3.000	3.000	3.000			3.000	3.000						Hoàn thành

TT	Đanh mục dự án	TMBĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023						Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn						Tăng	Giảm	Ghi chú
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ							
11	XD 12 phòng học lâu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và khối phòng hỗ trợ học tập) trường THCS Lộc Tân	14.900	14.900	14.900				14.900	14.900								Thị công
12	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B	6.500	6.500	6.500				6.500	6.500								Hoàn thành
13	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái	7.000	7.000	7.000				7.000	7.000								Thị công
14	Xây dựng 10 phòng học chức năng và nhà tập đa năng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh B	14.900	14.900	14.900				14.900	14.900								Thị công
15	Xây dựng Trường tiểu học thị trấn Lộc Ninh A (vị trí mới)	19.000	19.000	19.000				19.000	19.000								Thị công
16	Xây dựng 12 phòng học lý thuyết (khối tiểu học) và 06 phòng học bộ môn (khối THCS) Trường TH&THCS Lộc Thành	20.000	20.000	20.000				20.000	20.000								Thị công
17	Xây dựng Trường Mẫu giáo Hoa Cúc (Lộc Tân)	30.000	30.000	30.000				30.000	30.000								Thị công
18	Xây dựng Trường TH và THCS Lộc Phú	37.500	37.500	37.500				37.500	37.500								Đang thiết kế
19	Xây dựng Trường THCS Lộc Thái	37.500	37.500	37.500				37.500	37.500								Đang thiết kế
20	Trường mẫu giáo Lộc Thái	20.000	18.000	18.000				18.000	18.000								Đang thiết kế
21	Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	20.000	18.000	18.000				18.000	18.000								Thị công
22	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	50.000	45.000	45.000				45.000	45.000								Hoàn thành
23	XD 12 phòng học và đa năng trường THPT Lộc Hiệp	13.500	13.500	13.500				13.500	13.500								Thị công
24	XD nhà văn hóa và 02 phòng chức năng Trường PTTDT nội trú THCS huyện Lộc Ninh	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000								Thị công
25	XD 05 phòng hành chính quản trị, 16 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 02 phòng phụ trợ và các công trình phụ trợ Trường TH thị trấn Lộc Ninh A	20.000	20.000	20.000				20.000	20.000								Thị công
26	XD 04 phòng học hành chính quản trị, 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học Trường TH Lộc Thái B	5.000	5.000	5.000				5.000	5.000								Thị công
27	XD 06 phòng học và chức năng và các công trình phụ trợ Trường Mẫu giáo Vàng Anh	9.000	9.000	9.000				9.000	9.000								Phê duyệt BC KTKT
28	XD 03 phòng học tập, 03 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ và nhà tập đa năng Trường TH Lộc Hưng	14.900	14.900	14.900				14.900	14.900								Phê duyệt BC KTKT
29	XD Đường điện THT và trạm điện ba pha trường TH Lộc Thái A	800	800	800				800	800								Phê duyệt BC KTKT
30	Xây dựng 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường, 01 phòng bảo vệ, nhà xe học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường TH và THCS Lộc An	9.000	9.000	9.000				9.000	9.000								Đang thiết kế
C	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	389.242	364.566	348.666				368.566	348.666					4.000			
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	33.434	13.297	13.297				13.297	13.297								
I	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	20.509	1.372	1.372				1.372	1.372								Quyết toán

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Chi chú	
			Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
2	XD Hội trường BCH Quận sư huyện	8.500	8.500	8.500				8.500	8.500					Hoàn thành
3	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện	3.260	3.260	3.260				3.260	3.260					Quyết toán
4	San lấp mặt bằng trường MG Lộc Hưng	1.165	165	165				165	165					Hoàn thành
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	355.808	351.269	335.369	15.900			355.269	335.369	19.900			4.000	-
1	XD Sân vận động-Nhà thi đấu đa năng huyện (Lộc Thái)	42.000	42.000	42.000				42.000	42.000					Đang thi kế
2	XD Trung tâm hành chính huyện	200.000	200.000	200.000				200.000	200.000					Thiết kế xong
3	Cải tạo khu thể thao-văn hoá thi trấn Lộc Ninh (Sân vận động huyện)	10.500	10.500	10.500				10.500	10.500					Thị công
5	Xây dựng nhà văn hoá khu phố Ninh Thuận, Ninh Thanh và Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500				3.500	3.500					Thị công
6	Xây dựng nhà văn hoá ấp Ba Ven, xã Lộc Khanh	1.000	1.000	1.000				1.000	1.000					Hoàn thành
7	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, 8B, xã Lộc Hoà	2.000	2.000	2.000				2.000	2.000					Thị công
8	Xây dựng nhà văn hoá ấp 8, ấp 9 xã Lộc Thái	2.820	2.820	2.820				2.820	2.820					Thị công
9	Xây dựng Hội trường UBND xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500				3.500	3.500					Thị công
10	Xây dựng nhà văn hoá ấp Hiệp Hoàn A, Hiệp Tâm A và ấp Hiệp Thành Tân, xã Lộc Hiệp	3.228	3.228	3.228				3.228	3.228					Thị công
11	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 4,5 và 6 xã Lộc Hưng	1.617	1.617	1.617				1.617	1.617					Thị công
12	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá ấp 7,8 và 9 xã Lộc Hưng	1.995	1.995	1.995				1.995	1.995					Đang thi kế
13	XD công, kê đá, cây xanh, thiết bị Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.600	1.600	1.600				1.600	1.600					Hoàn thành
14	Xây dựng nhà khách Ban chỉ huy quân sự huyện Lộc Ninh	17.775	17.775	17.775				17.775	17.775					Đang thi kế
15	Xây dựng các hạng mục căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật	6.065	6.065	6.065				6.065	6.065					Đang thi kế
16	Nhà làm việc Ban Công an xã Lộc Hiệp	3.500	4.200	4.200				4.200	4.200					Đang thi kế
17	Xây dựng kê chắn đất nhà văn hoá ấp K54, xã Lộc Thiện	600	600	600				600	600					Đang thi kế
18	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Bia đá, cảnh quan khu vực X16 (giai đoạn 2)	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000					Thị công
19	Xây mới kê đá Trường mầm non Sao Mai	6.000	6.000	6.000				6.000	6.000					Thị công
20	Cải tạo trụ sở UBND thị trấn Lộc Ninh thành nhà văn hóa khu phố Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	1.200	1.200	1.200				1.200	1.200					Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	TMĐT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng công	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
21	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Lộc Ninh	3.500	5.000	5.000			5.000	5.000						Thị công
22	Cải tạo khu dân cư tổ 5, KP Ninh Phú, thị trấn Lộc Ninh	8.472	8.472	8.472			8.472	8.472						Đang thiết kế
23	Xây dựng kho chứa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và phòng lưu trữ Ban QL rừng phòng hộ Lộc Ninh	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000						Thị công
24	Xây dựng hàng rào, nhà xe Hạt Kiểm Lâm huyện	1.000	1.000	1.000			1.000	1.000						Thị công
25	Xây dựng hồ nước phòng, chống cháy rừng và tạo cảnh quang trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng Miền Nam Việt Nam	14.900	14.900	14.900			14.900	14.900						Đang thiết kế
26	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng khu chày thân nhân tạo, Khu nhà dãi thể, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, nước thải y tế, công phụ và tam gác Trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	4.000					4.000	4.000				4.000		Đang thiết kế
D	CÔNG TRÌNH ĐIỆN	59.773	43.664	43.664	-	-	44.022	44.022	-	-	358			
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025	21.089	4.980	4.980	-	-	5.338	5.338	-	-	358			
1	Điện áp 11, xã Lộc Thuận	1.671	1.500	1.500			1.671	1.671			171			Thị công
2	Điện tổ 4, ấp Chang hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	3.951	100	100			100	100						Thị công
3	Điện THT áp K57, xã Lộc Tân	2.387	2.200	2.200			2.387	2.387			187			Thị công
4	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hải, SocoRung, Tân Lợi, Bùi Linh, Vê Vang và Thàng Lợi, xã Lộc Phú	5.508	108	108			108	108						Thị công
5	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hải, xã Lộc Phú (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tâm Tuyết)	3.332	332	332			332	332						Thị công
6	Điện khu Đồi Trờ áp Sóc Lớn, xã Lộc Khanh	4.240	740	740			740	740						Thị công
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025	38.684	38.684	38.684	-	-	38.684	38.684	-	-				
1	Điện thấp sáng nông thôn	12.811	12.811	12.811			12.811	12.811						
2	Điện tổ 1,2,3,5,7 ấp Đồi Đá, Lộc Khanh	5.900	5.900	5.900			5.900	5.900						Thị công
3	Điện tổ 6,7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	5.700	5.700	5.700			5.700	5.700						Thị công
5	Điện tổ 10, khu phố Ninh Thuận, thị trấn Lộc Ninh	350	350	350			350	350						Thị công
6	Điện ấp Hiệp Tân, Hiệp Hoàn A, Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	3.500			3.500	3.500						Thị công
7	Điện ấp 7, xã Lộc Hòa	2.700	2.700	2.700			2.700	2.700						Thị công

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng công	Nguyên vốn ngân sách huyện	Nguyên ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng công	Nguyên vốn ngân sách huyện	Nguyên ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
8	Điện áp 8C, xã Lộc Hòa	4.300	4.300	4.300			4.300	4.300						Thị công
9	Điện trung hạ thế và trạm biến áp đường Đồng Tâm - Lộc Khánh	2.823	2.823	2.823			2.823	2.823						Hoàn thành
G	CÔNG TRÌNH THUY LỢI	490.258	480.258	145.258	90.000	245.000	480.258	145.258	90.000	245.000				
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>													
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</i>	<i>490.258</i>	<i>480.258</i>	<i>145.258</i>	<i>90.000</i>	<i>245.000</i>	<i>480.258</i>	<i>145.258</i>	<i>90.000</i>	<i>245.000</i>				
1	Hồ chứa nước thi trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)	118.000	118.000	118.000			118.000	118.000						Đang thiết kế
2	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tân đến cầu Lâm Trường)	100.000	90.000		90.000		90.000		90.000					Thị công
3	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Dò xã Lộc Điện)	150.000	150.000	15.000		135.000	150.000	15.000		135.000				Thị công
4	Hệ thống kênh tưới huyện	110.000	110.000		110.000		110.000			110.000				Đang thiết kế
5	Bê tông hóa tuyến kênh mương nội đồng ấp 54, xã Lộc An	2.258	2.258	2.258			2.258	2.258						Thị công
6	Nạo vét, xây kè suối Cầu Lò Heo, thi trấn Lộc Ninh	6.000	6.000	6.000			6.000	6.000						Hoàn thành
7	Xây dựng đập dâng nước trên suối Lâm Bui đoạn qua xã Lộc Khánh	4.000	4.000	4.000			4.000	4.000						Thị công
H	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	80.000	80.000	80.000	-	-	80.000	80.000	-	-				
1	Chi phí GPMB các dự án trên địa bàn huyện Lộc Ninh	80.000	80.000	80.000			80.000	80.000						
I	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI - ANTT (01 dự án)	5.000	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-				
1	Hệ thống Camera an ninh	5.000	5.000	5.000			5.000	5.000						Quyết toán
K	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1000 HỘ NGHÈO BDDTTS	19.114	19.114	19.114			19.114	19.114						
L	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	81.000	81.000	81.000			81.000	81.000						
M	CHƯƠNG TRÌNH 1.000 KM ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG	42.530	42.530	42.530			42.530	42.530						
N	VỐN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH	22.100	15.000	15.000	-	-	22.100	22.100	-	-	7.100	-	-	
1	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Ninh đến năm 2040	5.900	3.000	3.000			5.900	5.900			2.900			

TT	Danh mục dự án	TMDT	Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn theo NQ 06 ngày 03/4/2023				Kế hoạch điều chỉnh kế hoạch vốn				Tăng	Giảm	Ghi chú	
			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện	Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ				
2	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Thái	4.600	4.000	4.000			4.600	4.600			600			
3	Lập quy hoạch chung đô thị Lộc Hiệp	6.800	3.200	3.200			6.800	6.800			3.600			
4	Lập nhiệm vụ và lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2.600	2.600	2.600			2.600	2.600						
5	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các xã nông thôn mới	2.200	2.200	2.200			2.200	2.200						
O	VỐN TẤT TOÀN CÔNG TRÌNH ĐÀ QUYẾT TOÀN	2.989	3.628	3.628			3.628	3.628						
P	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000						